- Phân công(24h chủ nhật)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Danh | 6,7,8,9,2 | Đặc tả use case |
| Tài | 10,11,12,13,3,4 |  |
| Bảo | 14,15,16,17,18,1,5 |  |

## 6. Đặc tả Use-Case

### 6.1. UC01\_Đăng nhập

* Tên use case: Đăng nhập
* Tóm tắt: Chức năng dành cho người dùng muốn đăng nhập vào hệ thống.
* Actor chính: Người dùng.
* Actor phụ: Không.
* Tiền điều kiện: Người dùng đang ở giao diên quản lý đăng nhập hệ thống.
* Hậu điều kiện: Không.
* Luồng sự kiện chính:

|  |  |
| --- | --- |
| Người dùng | Hệ thống |
| 1. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu.  2. Người dùng chọn nút “Đăng nhập”. | 3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập. 4. Hệ thống chuyển hướng sang giao diện chính. |

* Luồng sự kiện phụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Người dùng | Hệ thống |
| 3.1.2 Người dùng xác nhận | 3.1 Tên đăng nhập hoăc mật khẩu không hợp lệ.  3.1.1 Hệ thống thông báo thông tin vừa nhập không hợp lệ.  3.1.3 Quay lại bước 1 |

### 6.2. UC02\_Lập hóa đơn

### 6.3. UC03\_Xóa hóa đơn

### 6.4. UC04\_Tìm kiếm hóa đơn

### 6.5. UC05\_Sửa hóa đơn

* Tên use case: Sửa hóa đơn
* Mô tả: Chức năng dành cho nhân viên sửa hóa đơn đã được lập.
* Actor chính: Nhân viên.
* Actor phụ: Không.
* Tiền điều kiện: Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống và đang ở giao diện quản lý hóa đơn với danh sách hóa đơn được lập gần nhất hoặc danh sách kết quả theo tìm kiếm.
* Hậu điều kiện: Thông tin hóa đơn được thay đổi theo ý của nhân viên và được lưu lại.
* Luồng sự kiện chính:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân viên | Hệ thống |
| 1. Nhân viên chọn hóa đơn cần sửa trong danh sách hóa đơn  2. Nhân viên thay đổi những thông tin cần sửa  3. Nhân viên nhấn Sửa | 4. Hệ thống kiểm tra dữ liệu vào  5. Hệ thống thông báo sửa thành công |

* Luồng sự kiện phụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân viên | Hệ thống |
| 4.1.2 Nhân viên xác nhận | 4.1 Dữ liệu không hợp lệ  4.1.1 Hệ thống thông báo Dữ liệu chưa hợp lệ  4.1.3 Quay lại bước 2 |

### 6.6. UC06\_Thêm khách hàng

### 6.7. UC07\_Xóa khách hàng

### 6.8. UC08\_Tìm kiếm khách hàng

### 6.9. UC09\_Sửa khách hàng

### 6.10. UC10\_Thêm Xe

### 6.11. UC11\_Sửa thông tin Xe

### 6.12. UC12\_Xóa thong tin Xe

### 6.13. UC13\_Tìm kiếm Xe

### 6.14. UC14\_Thêm Nhân viên

* Tên use case: Thêm nhân viên
* Mô tả: Chức năng dành cho quản lý viên dùng để thêm thông tin một nhân viên mới vào cơ sở dữ liệu.
* Actor chính: Quản lý.
* Actor phụ: Không.
* Tiền điều kiện: Quản lý viên đang ở giao diên quản lý nhân viên.
* Hậu điều kiện: Thông tin của nhân viên mới được lưu vào hệ thống.
* Luồng sự kiện chính:

|  |  |
| --- | --- |
| Quản lý | Hệ thống |
| 1. Quản lý nhập thông tin cần thiết của nhân viên cần thêm vào. |  |
| 2. Quản lý chọn nút “Thêm nhân viên”. |  |
|  | 3. Hệ thống kiểm tra thông tin vừa được nhập. |
|  | 4. Hệ thống thêm thông tin nhân viên mới vào hệ thống. |
|  | 5. Hệ thống thông báo thêm thành công nhân viên mới. |

* Luồng sự kiện phụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Quản lý | Hệ thống |
|  | 3.1 Thông tin không hợp lệ. |
|  | 3.1.1 Hệ thống thông báo thông tin vừa nhập không hợp lệ. |
|  | 3.1.2 Quay lại bước 1 |

### 6.15. UC15\_Xóa Nhân viên

### 6.16. UC16\_Sửa Nhân viên

### 6.17. UC17\_Tìm kiếm Nhân viên

### 6.18. UC18\_Thống kê

* Tên use case: Thống kê doanh thu
* Mô tả: Chức năng dành cho quản lý viên thống kê doanh thu của nhà thuốc theo ngày mà mình chọn
* Actor chính: Quản lý viên.
* Actor phụ: Không.
* Tiền điều kiện: Quản lý viên đã đăng nhập vào hệ thống và chọn chức năng Thống kê doanh thu
* Hậu điều kiện: Không.
* Luồng sự kiện chính:

|  |  |
| --- | --- |
| Quản lý | Hệ thống |
| 1. Quản lý chọn ngày bắt đầu thống kê |  |
| 2. Quản lý viên chọn ngày kết thúc thống kê |  |
| 3. Quản lý viên nhấn nút Thống kê |  |
|  | 4. Hệ thống truy xuất dữ liệu thống kê theo khoảng thời gian đã chọn. |
|  | 5. Hệ thống hiển thị kết quả thống kê |

* Luồng sự kiện phụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Quản lý | Hệ thống |
|  | 3.1 Hệ thống kiểm tra ngày thống kê không hợp lệ. |
|  | 3.1.1 Hệ thống thông báo ngày thống kê không hợp lệ |
| 3.1.2 Nhân viên xác nhận |  |
|  | 3.1.3 Quay lại bước 1 |
|  | 4.1 Không có dữ liệu thống kê trong khoảng thời gian được chọn |
|  | 4.1.1 Hệ thống thông báo không có dữ liệu thống kê |
|  | 4.1.2 Kết thúc |